

# ỨNG DỤNG MÔ HÌNH HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA DAVID A. KOLB VÀO DẠY HỌC MÔN ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2 Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Hương, Trần Thị Mỹ Tuyết  
Khoa Điều dưỡng – Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày cơ sở lý thuyết của mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb, đặc điểm của khóa học Điều dưỡng Cơ bản 1, đề xuất một quy trình giảng dạy dựa trên mô hình học tập trải nghiệm của Kolb và áp dụng mô hình này vào việc giảng dạy Điều dưỡng Cơ bản 1 cho sinh viên năm nhất ngành điều dưỡng tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa. Học tập trải nghiệm là một phương pháp phù hợp và hiệu quả để dạy một số nội dung về y tế cho sinh viên điều dưỡng. Đây cũng là một biện pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và góp phần đổi mới các phương pháp giảng dạy hiện tại.

**Từ khóa:** David Kolb, trải nghiệm, sinh viên, Điều dưỡng

## APPLICATION OF DAVID A. KOLB'S EXPERIENTIAL LEARNING MODEL IN TEACHING BASIC NURSING AT KHANH HOA MEDICAL COLLEGE

Nguyen Thi Huong, Tran Thi My Tuyen  
Nursing Department – Khanh Hoa Medical College

**Abstract:** The article presents the theoretical foundation of David Kolb's experiential learning model, the characteristics of the Basic Nursing 1 course, proposes a teaching process based on Kolb's experiential learning model, and applies this model to teaching Basic Nursing 1 for first-year nursing students at Khanh Hoa Medical College. Experiential learning is an appropriate and effective approach to teach some content healthcare topics for nursing students. It is also an important measure to improve the quality of teaching and contribute to the innovation of current teaching methods.

**Keywords:** David Kolb, experience, students, Nursing

Nhận bài: 12/01/2025

Phản biện: 02/02/2025

Duyệt đăng: 07/02/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học tập đối với sinh viên ngành Điều dưỡng là một quá trình phức tạp bao gồm lý thuyết chuyên sâu đến thực hành lâm sàng tại bệnh viện (BV). Quá trình học tập này đòi hỏi giảng viên (GV) phải vận dụng các phương pháp dạy - học phù hợp để trang bị cho sinh viên (SV) các kỹ năng cần thiết sẵn sàng cho hoạt động nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Trong đó, học tập trải nghiệm (HTTN) được xem là một trong những cách tiếp cận phù hợp giúp SV học tập từ kiến thức, kinh nghiệm được hình thành trong quá trình thực hành cụ thể của bản thân để từ đó vận dụng giải quyết các vấn đề lâm sàng. Cách tiếp cận HTTN khuyến khích SV suy nghĩ, phản ánh về những trải nghiệm (TN), rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, phát triển lòng tự trọng (Bradberry L, 2018), kỹ năng sáng tạo, năng lực phản biện (Bland A, 2010), tăng sự tự tin và có trách nhiệm để có thể thực hành chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế (Joseph N, 2015).

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc dạy học TN trong đào tạo Điều dưỡng, bài báo trình bày mô hình HTTN của David Allen Kolb, đặc điểm của môn học Điều dưỡng cơ sở 2 (ĐDCS2), đề xuất quy trình dạy học theo mô hình Kolb và vận dụng mô hình đó vào dạy học môn ĐDCS2 cho sinh viên điều dưỡng (SVĐD) năm thứ nhất. Từ

đó làm cơ sở để triển khai HTTN cho các đối tượng xét nghiệm, nữ hộ sinh, y học cổ truyền ... nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo gắn với thực tiễn.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Một số nội dung cơ bản về mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb

- Trải nghiệm

Theo Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê, 2003) giải nghĩa “Trải nghiệm là trải qua, kinh qua”. Như vậy, có thể hiểu trải nghiệm là một quá trình mà con người hoạt động và cảm xúc trải qua với hoạt động đó để thu thập kinh nghiệm, kiến thức cho bản thân.

- Học tập trải nghiệm (HTTN)

Theo Kolb (1984), Học tập trải nghiệm là “quá trình mà kiến thức được tạo ra thông qua chuyển đổi kinh nghiệm”. Như vậy, HTTN là một quá trình theo chu kỳ nhằm liên kết các trải nghiệm cụ thể (thực hành) với khái niệm trừu tượng (lý thuyết) để giải quyết vấn đề trong từng tình huống cụ thể. Do đó, kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi kinh nghiệm.

- Mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb

Lý thuyết HTTN của David Allen Kolb được xây dựng và phát triển dựa trên nền tảng các lý thuyết học tập cùng các mô hình về trải nghiệm,

đã được công bố vào năm 1971. Đến năm 1984, D.Kolb mô tả lý thuyết này dưới dạng một mô hình học tập trải nghiệm (Kolb's Model of Experiential Learning), còn được gọi là chu trình David Kolb. Mô hình này không chỉ được ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục, mà còn triển khai trong đào tạo các ngành nghề khác nhau đặc biệt trong lĩnh vực Điều dưỡng (Lisko S, 2010; Poore JA, 2014). Đối với ông, những TN thực tế giúp xây dựng các kỹ năng, kiến thức và thái độ để giải quyết vấn đề. Ở mỗi giai đoạn của mô hình HTTN, người học luôn có sự so sánh, phân tích, cập nhật thêm kinh nghiệm một cách liên tục. Cụ thể gồm 4 giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản ánh, quan niệm hóa trừu tượng, thử nghiệm tích cực.

- Giai đoạn 1: Trải nghiệm cụ thể

Người học thông qua thực hiện các hoạt động cụ thể, quan sát, tìm hiểu các nội dung liên quan đến vấn đề học tập. Ở giai đoạn này “Những kinh nghiệm cụ thể là cơ sở để quan sát và phản ánh”.

- Giai đoạn 2: Quan sát phản ánh

Từ trải nghiệm cụ thể, người học quan sát và phản ánh bằng việc suy nghĩ lại các hoạt động vừa thực hiện, kiểm tra một cách có hệ thống những kinh nghiệm vừa mới trải qua, thảo luận với người khác về vấn đề đó.

- Giai đoạn 3: Khái niệm hóa trừu tượng

Sau giai đoạn 2, “Những phản ánh này được đồng hóa và chất lọc thành những

khái niệm trừu tượng”, người học sẽ phát hiện những đặc điểm, ý nghĩa thông qua việc xây dựng các khái niệm, tổng hợp và phân tích những gì quan sát được để trừu tượng hóa các kiến thức và kinh nghiệm mới.

- Giai đoạn 4: Thử nghiệm tích cực

Người học vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm được hình thành từ giai đoạn trước vào việc tích cực TH những trải nghiệm mới.

## **2.2. Đặc điểm khái quát về môn học Điều dưỡng cơ sở 2 trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ Cao đẳng tại Trường CĐ Y tế Khánh Hòa**

Môn học ĐDCS2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, đào tạo cho SVĐD hệ cao đẳng năm thứ nhất, gồm 30 tiết lý thuyết và 60 tiết TH tại trường.

Môn học này không chỉ trang bị cho SV kiến thức cơ bản về các kỹ thuật (KT) chăm sóc người bệnh mà còn rèn luyện các kỹ năng về giao tiếp trong thực hành điều dưỡng. Qua đó, thể hiện thái độ cần trọng trong quá trình TH chăm sóc và theo dõi tình trạng của người bệnh. Nắm vững các kiến

thức, kỹ năng này sẽ giúp SVĐD thể hiện được năng lực tự chủ, trách nhiệm khi TH nghề nghiệp, chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để “Thực tập lâm sàng ĐDCS2” tại BV.

Qua quá trình thực tế giảng dạy môn ĐDCS2, chúng tôi nhận thấy một số khó khăn cũng như thuận lợi ảnh hưởng đến quá trình tổ chức dạy học TN:

- Khó khăn

Phần lớn SV lựa chọn hệ cao đẳng Điều dưỡng không phải do nguyện vọng đại học ban đầu, với điểm đầu vào chưa cao, nên nhiều SV gặp khó khăn trong việc tiếp thu bài học. Hơn nữa, đa phần SV chưa thực sự chọn ngành học này vì đam mê hay nhu cầu nghề nghiệp, mà đơn giản chỉ là tìm kiếm một nơi để học. Vì vậy, các em chưa thật sự hào hứng và chủ động tham gia các tiết học chuyên ngành trong năm học đầu tiên.

- Thuận lợi

Trường CĐ Y tế Khánh Hòa là một trong số các trường CĐ được trang bị hệ thống phòng TH mô phỏng đa dạng, hiện đại. Do đó, SV có nhiều cơ hội được TN trong quá trình học tập môn ĐDCS2 cũng như các môn chuyên ngành. Đây chính là thuận lợi cho GV tổ chức dạy học TN.

Nhà trường hiện đang triển khai mô hình đào tạo theo chuẩn đầu ra, yêu cầu SV phải đạt được những tiêu chí cụ thể cho từng môn học, nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Điều này đòi hỏi GV phải tăng cường tổ chức TN cho SV trong quá trình giảng dạy để SV sớm tiệm cận với chuẩn cần đạt trong môn học.

## **2.3. Vận dụng mô hình HTTN của D.Kolb vào dạy học môn Điều dưỡng cơ sở 2 cho sinh viên ngành Điều dưỡng, trường CĐ Y tế Khánh Hòa.**

### **2.3.1. Đề xuất quy trình dạy học trải nghiệm theo mô hình của D.Kolb**

Qua nghiên cứu về mô hình HTTN của David Kolb, đặc điểm môn học ĐDCS2, thực tiễn dạy – học, chúng tôi đề xuất mô hình dạy học TN trong dạy môn ĐDCS2 như sau:

- Trải nghiệm cụ thể

GV tổ chức cho SV tham gia các hoạt động TN bằng cách:

+ Thảo luận tình huống được xây dựng từ lâm sàng BV.

+ Trình chiếu các đoạn video về các hoạt động chăm sóc liên quan.

+ TH các KT chăm sóc trên mô hình.

+ Chiếu các video về KT chăm sóc được tiến

hành tại BV.

+ Đóng vai mô phỏng.

+ Nhắc lại kinh nghiệm đã biết khi thực hành ĐDCS1.

+ Tìm kiếm, chia sẻ, thảo luận các thực hành chăm sóc vấn đề đang học dựa trên bằng chứng.

- Quan sát phản ánh

GV tổ chức phân tích, giải thích các TN bằng cách đưa ra các câu hỏi, vấn đề trao đổi, thảo luận dưới hình thức cá nhân, nhóm:

+ Quan sát, phản tỉnh về những KT mà SV vừa mới TH.

+ Trình bày các tai biến sẽ xảy ra nếu mắc sai sót trong quá trình thực hiện KT, nếu mắc sai sót thì cách xử trí sẽ được tiến hành như thế nào.

+ Liên hệ với những kiến thức đã học để phòng ngừa các sai sót chuyên môn trong quá trình thực hiện KT.

+ Trình bày, giải thích các bước thực hiện KT theo thứ tự tiên quyết, trong đó lưu ý các bước quan trọng, nguyên tắc thực hiện KT.

+ Nêu được ý nghĩa, mục đích của KT đang thực hiện đối với người bệnh.

+ So sánh KT này khi tiến hành thực hiện chăm sóc trên các đối tượng người bệnh khác nhau: người lớn, trẻ em, người có bệnh mạn tính ...

- Khái niệm hóa trừu tượng

GV giám sát việc SV hình thành tri thức mới của môn ĐDCS2 bằng cách yêu cầu SV trình bày, chia sẻ những TN, phân tích những ý nghĩa của các TN đó cho bản thân dưới các hình thức: Chia sẻ bằng lời, bài viết ngắn, nhật ký buổi học.

GV gợi ý để SV vận dụng một số kiến thức đã học (giải phẫu, sinh lý, chống nhiễm khuẩn, sinh lý...) để thực hiện kỹ thuật ĐDCS2 khi chăm sóc người bệnh. Từ đó, SV khái quát hóa TN về nguyên tắc, KT thực hiện.

Qua quá trình này, SV sẽ xác định, tổng hợp và sắp xếp các kiến thức liên quan để giải quyết tình huống.

- Thử nghiệm tích cực

GV tổ chức cho SV TH một cách chủ động các kỹ thuật ĐDCS2 trên nền tảng những kiến thức đã TN, và kết quả của quá trình xử lý thông tin từ giai đoạn 2, 3 dưới hình thức TH trực tiếp, thực hành tại phòng tự học TH, quay video TH. Tổ chức cho SV tổng kết rút ra kinh nghiệm để thực hiện tốt các KT. Những hoạt động này tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp SV có thái độ tích cực, trách nhiệm với bản thân, và với người bệnh. Đồng thời, đây là bước trang bị sẵn sàng cho SV

về mặt tâm lý, kiến thức, kỹ năng, thái độ trước khi thực tập tại BV.

**2.3.2. Minh họa về việc vận dụng mô hình HTTN vào trong dạy học “Cắt chỉ vết thương khâu mũi rời” (CCVT khâu mũi rời) thuộc môn học ĐDCS2 được tiến hành như sau:**

- Trải nghiệm cụ thể

Sau phân hướng dẫn cơ bản, GV tổ chức cho SV tham gia các hoạt động TN bằng cách đưa SV vào vai trò là người ĐD ở BV:

+ SV đóng vai ĐD để giao tiếp chuẩn bị CCVT khâu mũi rời: người bệnh, dụng cụ.

+ GV chuẩn bị 1 đoạn video về CCVT khâu mũi rời. SV quan sát video và trả lời câu hỏi:

• Theo em, trong quy trình kỹ thuật CCVT khâu mũi rời, bước nào khó thực hiện nhất?

• Động tác nào trong video yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc vô khuẩn?

• Những bước nào trong video cần lưu ý?

+ Tổ chức cho SV tham gia trực tiếp vào hoạt động “CCVT khâu mũi rời” dưới sự hướng dẫn của GV. Đây là giai đoạn TN cụ thể, SV có cơ hội tiếp xúc với kỹ thuật CCVT, rèn luyện kỹ năng khéo léo, chính xác, thái độ cẩn thận, tỉ mỉ.

Kết quả của hoạt động TN cụ thể giúp SV rèn luyện kỹ năng TH cắt chỉ, quan sát, tư duy để có những hình ảnh chân thực, sinh động kích thích sự tò mò, hứng thú với nội dung bài học.

- Quan sát phản ánh

Tùy theo nội dung học tập, GV tổ chức phân tích TN bằng cách đưa ra các vấn đề, câu hỏi cần thảo luận nhóm, cá nhân theo các cách sau:

+ Trong quy trình kỹ thuật CCVT mũi rời, các em cần đặc biệt lưu ý các bước nào?

+ Các sai sót khi thực hiện kỹ thuật CCVT?

+ Đề phòng các sai sót trong quá trình cắt chỉ, em cần thực hiện như thế nào?

+ Trình bày mục đích, nguyên tắc của kỹ thuật CCVT mũi rời?

+ So sánh với các KT cắt chỉ khác (mũi vát, khâu dưới da...), sự khác biệt và tương đồng khi tiến hành cắt chỉ vết thương?

- Khái niệm hóa trừu tượng

GV gợi ý để SV vận dụng một số kiến thức đã học (giải phẫu, sinh lý, chống nhiễm khuẩn ...) để thực hiện kỹ thuật CCVT khâu mũi rời an toàn và hiệu quả như sau:

+ Trình bày các nguyên tắc cắt chỉ vết thương bằng cách tổ chức trò chơi “Tư duy và phản xạ nhanh”

• GV gọi 1 SV bất kỳ, trong 2 giây phải nêu

được 01 nguyên tắc cắt chỉ.

- SV tham gia trò chơi bằng cách nêu 1 nguyên tắc. Sau đó, SV này được chỉ định bất kì SV khác tiếp tục trò chơi.

- Tổng kết trò chơi, SV nêu không đúng hoặc chậm trên 2 giây thì cuối buổi học sẽ cùng nhóm trực vệ sinh phòng thực tập.

- + Một kỹ thuật cắt chỉ dù vết thương dài hay ngắn, sạch hay bẩn thì phải đảm bảo nguyên tắc vô khuẩn, kỹ thuật cắt chỉ, kỹ thuật rút chỉ.

- + Kiến thức về chống nhiễm khuẩn để chuẩn bị dụng cụ, các bước khi tiến hành cắt chỉ vết thương.

- + Kiến thức về giải phẫu: chuẩn bị vùng cắt chỉ an toàn.

- + Kiến thức về sinh lý: biết được quá trình lành vết thương, thời gian cắt chỉ phù hợp, hạn chế sẹo xấu.

- Thử nghiệm tích cực

Khuyến khích SV tự luyện tập, đăng ký phòng TH tự học. GV yêu cầu SV làm các sản phẩm như quay video.... Cuối cùng, GV tổ chức cho SV nhận xét, góp ý, và đánh giá KT mà bạn đã thực hiện theo bảng kiểm đánh giá TH.

### III. KẾT LUẬN

Việc vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb để tổ chức dạy học nội dung ĐDCS2 cho SV điều dưỡng đã giúp cho SV phát triển lòng tự trọng, có trách nhiệm với việc học từ đó có trải nghiệm về vị trí việc làm của người ĐD sau khi tốt nghiệp, tạo động lực học tập cũng như động lực làm việc sau khi ra trường. Tuy nhiên, để áp dụng mô hình HTTN một cách hiệu quả, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nội dung, hình thức tổ chức, phương tiện, thời gian, địa điểm cũng như sự hỗ trợ và hướng dẫn từ GV, nhà trường...

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hoàng Phê, *Từ điển Tiếng Việt*, 2003, trang 1020

D. Kolb (2014). *Experiential Learning: Experience as the Source of Learning and Development*. Pearson FT Press, 2nd Edition, p.38

Bradberry L, De Maio J. *Learning By Doing: The Long-Term Impact of Experiential Learning Programs on Student Success*. Journal of Political Science Education. 2018;15:1-18.

Joseph N, Nelliyanil M, Jindal S, Srivastava N, Lankeshwar S, Utkarsha, Abraham AE, Alok Y. *Perception of Simulation-based Learning among Medical Students in South India*. Annals of Medical and Health Sciences Research. 2015;5:247.

Kolb A, Kolb D, Passarelli A, Sharma G. *On Becoming an Experiential Educator: The Educator Role Profile*. Simulation & Gaming. 2014;45:204-34.

Lisko S, O'Dell V. *Integration of theory and practice: Experiential learning theory and nursing education*. Nursing education perspectives. 2010;31:106-8.

Poore JA, Cullen DL, Schaar GL. *Simulation-Based Interprofessional Education Guided by Kolb's Experiential Learning Theory*. Clinical Simulation in Nursing. 2014;10(5):e241-e7.